TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2017
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Bà Trần Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017, về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T; cư trú tại: Phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ngọc P; cư trú tại: Harmachi Shinjuku-ku, Tokyo, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Văn T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc P đăng ký kết hôn theo pháp

luật Việt Nam và được Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; trong thời gian chung sống với nhau nhưng giữa vợ chồng đã xay ra nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống; cũng do mâu thuẫn liên tục và kéo dài nên đến tháng 3 năm 2016, chị P đi Nhật Bản học tập và làm việc cho đến nay. Trong thời gian này mâu thuẫn vợ chồng không được hòa giải, cải thiện mà tình trạng càng chuyển biến theo chiều hướng xấu đi; phần cũng là do mỗi người sống một nơi, không thể quan tâm chăm sóc cho nhau; tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

- Về con; tài sản chung; nợ chung: Anh Phạm Văn T xác định là vợ chồng anh, chị không có con chung, tài sản chung, cũng như nợ chung.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc P, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh Phạm Văn T về việc kết hôn cũng như về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, chị cũng thống nhất với yêu cầu của anh T về việc ly hôn do vợ chồng mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng; mặt khác mỗi người cũng đã có cuộc sống riêng.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc P xác nhận giữa anh, chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn anh Phạm Văn T, có Quốc tịch Việt Nam; địa chỉ cư trú tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn chị Trần Thị Ngọc P, có địa chỉ cư trú tại Harmachi Shinjuku, Tokyo, Japan (Nhật Bản), nên vụ án ly hôn thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của anh T và chị P, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Ngọc P theo đường bưu điện; đến ngày 21/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhận được Văn bản gửi cho Tòa án về trình bày của chị P đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

[3] Xét thấy nguyên đơn anh Phạm Văn T và bị đơn chị Trần Thị Ngọc P không có mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 1 Điều 227, a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị Ngọc P của anh Phạm Văn T thì thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị P bắt đầu xảy ra từ sau khi kết hôn, do bất đồng về quan điểm, không có sự thống nhất và thuận hòa làm cho hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng; mặt khác, sau này chị P quyết định đến Nhật Bản một mình để học tập và sinh sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay anh, chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn chị P của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Ngọc P đều xác định vợ chồng anh, chị không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nguyên đơn ông Phạm Văn T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 277, Điều 469 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Trần Thị Ngọc P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc P.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 001154 ngày 25 tháng 7 năm 2017, của Cục thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Nguyên đơn anh Phạm Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Trần Thị Ngọc P không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam